

Số: 31 /KL-TTra

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, đề tài “Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh với bò đực BBB, bò đực Senepol và khả năng sinh trưởng của con lai F1 tại Khánh Hòa”

Ngày 01/7/2024, Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 24/QĐ-TTra thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, đề tài “Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh với bò đực BBB, bò đực Senepol và khả năng sinh trưởng của con lai F1 tại Khánh Hòa”,

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTTra ngày 09/9/2024 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Đề tài cấp tỉnh “Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh với bò đực BBB, bò đực Senepol và khả năng sinh trưởng của con lai F1 tại Khánh Hòa” (sau đây gọi là Đề tài) do Trung tâm Khuyến Nông chủ trì thực hiện.

- Đề tài được phê duyệt tại Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc kế hoạch KH&CN năm 2021; được tổ chức họp Hội đồng tuyển chọn (Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh thành lập Hội đồng, Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; Phiếu đánh giá, phiếu nhận xét); họp thẩm định kinh phí (Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định kinh phí đề tài; Phiếu nhận xét; Biên bản thẩm định kinh phí ngày 12/10/2021); được UBND tỉnh phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện, thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 29/8/2022.

- Đề tài được thực hiện thông qua Hợp đồng thực hiện Đề tài khoa học công nghệ số 1402/HĐ-SKHCHN ký ngày 20/9/2022 giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Khuyến nông; Phụ lục Hợp đồng số 1275/PLHĐ-SKHCHN ngày 10/7/2024 về việc điều chỉnh Hợp đồng số 1402/HĐ-SKHCHN ngày 20/9/2022. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 36 tháng, từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2025 với tổng kinh phí thực hiện Đề tài là 9.415.649.000 đồng, trong đó: Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 1.813.319.000 triệu đồng, kinh phí từ nguồn khác: 7.602.330.000 đồng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Kết quả thực hiện theo Thuyết minh được phê duyệt

1.1. Nội dung 1: Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh bò đực BBB, bò đực Senepol

Đề tài đã thực hiện các nội dung công việc theo thuyết minh và Hợp đồng đã được phê duyệt, ký kết, cụ thể:

- Công việc 1: Chọn hộ/trại, kiểm tra bò cái nền đủ tiêu chuẩn đưa vào phối giống; Tập huấn nông dân: Nhóm nghiên cứu chọn được 260 con bò cái nền sinh sản lai Zebu tại 03 địa bàn huyện Cam Lâm, Ninh Hòa, Khánh Vĩnh; Tổ chức 02 lớp tập huấn cho 40 hộ dân tham gia thực hiện đề tài trong tháng 4/2023.

- Công việc 2: Kiểm tra lâm sàng bò cái nền đủ tiêu chuẩn phối giống, bấm số tai và lập sổ cá thể: Nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm tra lâm sàng 260 bò cái nền sinh sản lai Zebu; thực hiện bấm số tai và lập sổ cá thể cho 260 bò cái.

- Công việc 3: Xử lý kích dục tổ đê gây lên giống chủ động (03 công đoạn): Nhóm nghiên cứu thực hiện xử lý kích dục tổ cho 260 bò cái.

- Công việc 4: Phối giống cho bò cái (bao gồm phối giống lần 1 và lần 2): Thực hiện phối giống cho 225 bò cái (thuyết minh yêu cầu phối giống 208 bò cái).

- Công việc 5: Khám thai: Nhóm nghiên cứu thực hiện khám thai 210 bò cái (thuyết minh yêu cầu phối giống 208 bò cái).

- Công việc 6: Ghi chép, đánh giá các chỉ tiêu sinh sản của bò cái: Chủ nhiệm đề tài cung cấp Bộ số liệu của 260 bò cái (thông tin đầy đủ trên file excel). Tuy nhiên việc thu thập và ghi chép thông tin còn tồn tại: nhiều sổ cá thể bò cái chưa ghi chép đầy đủ thông tin, các số liệu ở các bản ghi chép số liệu từ hiện trường còn rời rạc, chưa được lưu giữ tập trung. Việc thu thập thông tin của đề tài thông qua các nguồn: qua điện thoại (cuộc gọi đến báo ghi nhận tin tức); qua tin nhắn zalo (hình ảnh chụp gửi về); qua nhật ký (từng kỹ thuật viên) và qua các thông tin khác (như đi kiểm tra của ban chủ nhiệm, của sở, của cá nhân từng cán bộ tham gia đề tài...),

Tại nhiều hộ dân tham gia đề tài chưa có sổ nhật ký tại hộ nuôi hoặc có nhưng sơ sài, chưa thể hiện thông tin ghi chép, chưa đảm bảo thực hiện yêu cầu tại Biên bản kiểm tra ngày 23/02/2023 và Biên bản kiểm tra ngày 23/11/2023 của Đoàn kiểm tra Sở KH&CN.

- Công việc 7: Viết chuyên đề 1: Nhóm nghiên cứu đã viết báo cáo chuyên đề “Khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh với bò đực BBB, bò đực Senepol” (có báo cáo). Đề tài chưa có sản phẩm Bài báo khoa học “Ảnh hưởng của việc phối giống bò đực BBB, bò đực Senepol đến khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu đăng trên Tạp chí chuyên ngành trong nước.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa chưa thực hiện tổ chức nghiệm thu nội dung công việc: Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh bò đực BBB, bò đực Senepol theo quy định điểm i khoản 2 Điều 4 Hợp đồng thực hiện khoa học và công nghệ số 1402/HĐ-SKHCN ngày 20/9/2022.

1.2. Nội dung 2: Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng của con lai F1 giữa bò đực BBB và Senepol với bò cái lai Zebu

- Nhóm nghiên cứu đã thực hiện công việc 1: Bấm số tai, lập sổ cá thể, khối lượng sơ sinh cho con lai F1. Hiện đang triển khai thực hiện nội dung công việc 2: Đánh giá khả năng sinh trưởng con lai F1 lúc 3 tháng tuổi; công việc 3: Đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng con lai F1 lúc 6 tháng tuổi; công việc 4: Đánh giá khả năng sinh trưởng con lai F1 lúc 9 tháng tuổi. Chuẩn bị triển khai công việc 5: Đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng con lai F1 lúc 12 tháng tuổi; công việc 6: Đánh giá khả năng sinh trưởng con lai F1 lúc 15 tháng tuổi; công việc 7: Đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng con lai F1 lúc 18 tháng tuổi; công việc 8: Viết chuyên đề 2.

- Một số nội dung còn tồn tại:

+ Nhóm nghiên cứu chưa kịp thời chọn đủ 100 bò lai F1, chưa kịp thời bấm số tai cho 100 bò lai F1, chưa cung cấp cám hỗ trợ kịp thời đầy đủ cho 100 bò lai F1 theo Thuyết minh đề tài (theo thuyết minh bấm số tai thời điểm sơ sinh cho con lai F1), cụ thể: Ngày 25/7/2024, đề tài chọn được 68 bò lai F1 của các hộ nông dân của 02 địa phương (huyện Cam Lâm: 24 bò lai F1 và thị xã Ninh Hoà: 44 bò lai F1) để thực hiện theo dõi, nghiên cứu, đồng thời cấp cám hỗ trợ 68 bò lai F1 này giai đoạn từ sơ sinh – 5 tháng tuổi (96 kg cám/bò lai F1). Đến ngày 02/8/2024, đề tài chọn thêm 32 bò lai F1 của Công ty Bò giống Miền Trung: 23 con và hộ nông dân xã Khánh Trung 09 bò lai F1, cấp cám hỗ trợ cho 32 bò lai F1 này (Có bản cam kết thực hiện của các hộ dân đăng ký tham gia và biên bản giao nhận vật tư).

Nguyên nhân: Một số hộ dân vì hoàn cảnh khó khăn còn đắn đo phải bán bò con, chưa chắc chắn tham gia nghiên cứu đủ 18 tháng tuổi; do vậy công việc chọn ra 100 bò lai F1 phải cần có thời gian và sự hợp tác hai bên để chọn lựa chính xác và Đề tài không phải mất vật tư cấp về sau (trong trường hợp người dân không tiếp tục tham gia đến khi kết thúc Đề tài). Trong thời gian này, nhóm nghiên cứu vận động hộ dân tự ứng thức ăn và chăm sóc theo quy trình kỹ thuật đã được tập huấn. Bò lai F1 mới sinh không được bấm ngay số tai do nhiều hộ dân lo ngại bò lai F1 còn nhỏ, chưa xỏ mũi để cột được, có thể ảnh hưởng đến bò con nên chưa bấm tai ngay thời điểm mới sinh, phải chờ đến khi bò con được xỏ mũi mới bấm số tai được. Đến thời điểm ngày 07/8/2024 có 73/100 bò lai F1 được bấm số tai.

+ Chủ nhiệm đề tài có cung cấp số liệu về chiều cao vây, vòng ngực, dài thân chéo của bò lai F1 (bảng số liệu trên file excel); cung cấp sổ cá thể cho 100 bò lai F1, tuy nhiên sổ cá thể bò lai F1 mới chỉ có số liệu về màu lông, cân nặng, chưa có số liệu đo chiều cao vây, vòng ngực, dài thân chéo của bò lai F1 tại các thời điểm theo yêu cầu thuyết minh, chưa có đầy đủ tài liệu chứng minh số liệu về đo chiều cao vây, vòng ngực, dài thân chéo của bò lai F1 tại các thời điểm theo yêu cầu thuyết minh.

+ Nhiều hộ dân tham gia đề tài nghiên cứu chưa có sổ nhật ký tại hộ nuôi hoặc có nhưng rất sơ sài, không thể hiện thông tin ghi chép, chưa đảm bảo thực hiện yêu cầu tại Biên bản kiểm tra ngày 23/02/2023 và Biên bản kiểm tra ngày 23/11/2023 của Đoàn kiểm tra Sở KH&CN.

1.3. Nội dung 3: Xây dựng quy trình nuôi con lai F1 giữa bò đực BBB và Senepol với bò cái lai Zebu tại Khánh Hòa

Nhóm nghiên cứu đang tổng hợp tài liệu tiến hành đánh giá loại, sản lượng và giá trị dinh dưỡng nguồn thức ăn sẵn có từ phụ phẩm nông nghiệp tại địa phương; đang hoàn thiện viết Chuyên đề 3 “Đánh giá tiềm năng và giá trị dinh dưỡng nguồn thức ăn sẵn có sử dụng cho chăn nuôi bò thịt; đã xây dựng quy trình tạm thời áp dụng cho công việc Nội dung 2. Việc bố trí thí nghiệm giai đoạn vỗ béo: Chưa thực hiện do bò lai F1 chưa đủ 18 tháng tuổi.

2. Về tiến độ thực hiện Đề tài

Các công việc triển khai chậm so với tiến độ đề ra trong thuyết minh được duyệt, nguyên nhân:

Quyết định 2396/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện, thuyết minh Đề tài và Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN số 1402/HĐ-SKHCN ngày 20/9/2022, thời gian thực hiện 36 tháng, từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2025 là sau 5 tháng so với thời điểm Thuyết minh hoàn thiện chỉnh sửa dẫn đến các nội dung công việc theo Thuyết minh đều triển khai chậm (*Thuyết minh hoàn thiện ngày 12/4/2022, trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng KH&CN cấp tỉnh và Tổ thẩm định kinh phí, thời gian triển khai đề tài 36 tháng từ tháng 4/2022 đến tháng 4/2025, tiến độ thực hiện các nội dung công việc được thực hiện tháng 4/2022 đến tháng 3/2025*).

Ngày 21/9/2022, Chủ nhiệm đề tài xây dựng Phương án triển khai nội dung nghiên cứu và sử dụng kinh phí đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh được Giám đốc Trung tâm Khuyến nông phê duyệt (sau đây gọi là Phương án triển khai). Trong đó, tiến độ thực hiện các nội dung công việc được thực hiện tháng 9/2022 đến tháng 8/2025. Quá trình triển khai thực hiện, các nội dung công việc cơ bản đáp ứng tiến độ theo Phương án triển khai, tuy nhiên, có nội dung chậm so với Phương án triển khai, cụ thể: Hoàn thiện viết Chuyên đề 3 “Đánh giá tiềm năng và giá trị dinh dưỡng nguồn thức ăn sẵn có sử dụng cho chăn nuôi bò thịt (theo Phương án triển khai hoàn thành trong tháng 3/2023).

- Việc thực hiện kiểm tra tiến độ, nội dung của đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến nông kiểm tra định kỳ, tiến độ thực hiện của đề tài thông qua các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, kiểm tra thực tế (có hình ảnh lãnh đạo Trung tâm cùng đi kiểm tra các hộ tại Ninh Sim).

3. Về kinh phí thực hiện đề tài

- Đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Chủ nhiệm đề tài có xây dựng Phương án triển khai nội dung nghiên cứu và sử dụng kinh phí đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh ghi ngày 21/9/2021 được Giám đốc Trung tâm Khuyến nông phê duyệt. Trong đó, phương án sử dụng kinh phí khoán được trích dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-KHCN-BTC.

- Thời điểm thanh tra, kinh phí đã thực hiện: 5.162.603.600 đồng, trong đó: kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước: 1.228.283.600 đồng (Kinh phí đã được Sở KH&CN kiểm tra xác nhận thanh toán: 678.283.600 đồng, kinh phí đã tạm ứng chưa thực hiện thanh toán: 550.000.000 đồng), kinh phí từ nguồn khác: 3.934.320.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Đề tài, đơn vị chủ trì đã tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Đề tài, sử dụng kinh phí theo thuyết minh được phê duyệt.

(Chi tiết sử dụng kinh phí từ Ngân sách nhà nước theo Phụ lục đính kèm).

III. KẾT LUẬN NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

Đề tài đang trong quá trình triển khai thực hiện, đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu đã triển khai thực hiện các nội nghiên cứu theo thuyết minh và sử dụng kinh phí được cấp theo dự toán đã được phê duyệt. Tuy nhiên còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Trung tâm Khuyến nông chưa đánh giá nghiệm thu Nội dung 1: Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh bò đực BBB, bò đực Senepol đã kết thúc.

- Đề tài chưa có sản phẩm Bài báo khoa học “Ảnh hưởng của việc phối giống bò đực BBB, bò đực Senepol đến khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu đăng trên Tạp chí chuyên ngành trong nước.

- Việc thu thập, ghi chép, lưu giữ số liệu nghiên cứu đề tài còn nhiều điểm lưu ý: Sổ cá thể bò cái, bò lai F1 chưa đầy đủ thông tin; số liệu ghi chép từ hiện trường còn rời rạc, chưa đầy đủ, chưa được lưu giữ tập trung; phương pháp thu thập thông tin, số liệu chưa khoa học. Tại nhiều hộ dân tham gia đề tài nghiên cứu chưa có sổ nhật ký tại hộ nuôi hoặc có nhưng sơ sài, chưa thể hiện thông tin ghi chép, chưa đảm bảo thực hiện yêu cầu của Đoàn kiểm tra Sở KH&CN tại các Biên bản kiểm tra định kỳ (kiểm tra thực tế tại 04 hộ nông dân: 02 hộ có lập sổ nhật ký, ghi chép sơ sài; 02 hộ không có sổ nhật ký)

- Một số nội dung công việc chưa đảm bảo theo thuyết minh: Chưa kịp thời chọn đủ 100 bò lai F1, chưa kịp thời bấm số tai cho bò lai F1 sơ sinh, chưa cung cấp cám hỗ trợ kịp thời đầy đủ cho 100 bò lai F1 theo Thuyết minh đề tài.

- Các nội dung công việc triển khai tiến độ đề tài chậm so với tiến độ đề ra trong thuyết minh được duyệt do có nguyên nhân khách quan: Quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện, thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh và Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN được ký kết chậm hơn 05 tháng so với thời điểm Thuyết minh được hoàn thiện, trình phê duyệt.

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài thực hiện các nội dung sau:

1.1. Đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài tiếp tục thực hiện tốt các nội dung còn lại của đề tài, đảm bảo phương án triển khai đề tài theo đúng thuyết minh được duyệt; hoàn thành đầy đủ các sản phẩm theo Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ. Chủ động rà soát tiến độ nội dung công việc theo Thuyết minh phù hợp với thời hạn hợp đồng KH&CN ký kết, đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh cần thiết.

1.2. Đơn vị chủ trì chủ động bố trí kiểm tra tiến độ và nội dung thực hiện đề tài theo định kỳ; đơn đốc chủ nhiệm đề tài triển khai thực hiện đề tài theo đúng nội dung đề cương và thời gian được duyệt; tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả của các nội dung đề tài đã triển khai (bằng văn bản, tương ứng với kinh phí cấp).

1.3. Chủ nhiệm đề tài, nhóm nghiên cứu bám sát Thuyết minh đề tài, tổ chức triển khai thu thập, lưu giữ thông tin, tài liệu, số liệu nghiên cứu có khoa học..., chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt; Kiểm tra, đơn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng; Hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra việc ghi chép nhật ký tại các hộ dân tham gia đề tài.

1.4. Chủ nhiệm đề tài khẩn trương báo cáo đơn vị chủ trì, cơ quan quản lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, kịp thời có phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế; bảo đảm chất lượng nội dung và tiến độ nhiệm vụ theo quy định.

2. Giao Phòng Quản lý khoa học: Chủ trì tham mưu quản lý, kiểm tra, hướng dẫn đơn vị chủ trì thực hiện và chủ nhiệm đề tài thực hiện đúng quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; phối hợp với Văn phòng Sở tham mưu việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp đảm bảo đúng quy định; tham mưu hướng dẫn Đơn vị chủ trì và Chủ nhiệm đề tài thực hiện tiến độ triển khai nội dung các công việc theo Thuyết minh phù hợp với thời gian thực hiện tại Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh và Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN số 1402/HĐ-SKHCN ngày 20/9/2022.

3. Văn phòng sở (bộ phận phụ trách tài chính – kế toán) chủ trì việc hướng dẫn, kiểm tra, quyết toán kinh phí từ ngân sách của đề tài theo đúng quy định.

4. Thanh tra sở thực hiện công khai Kết luận theo quy định, đơn đốc, giám sát thực hiện kết luận thanh tra; báo cáo, tham mưu, đề xuất Giám đốc Sở xử lý những vấn đề phát sinh./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Giám đốc sở;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng QLKH;
- Văn phòng sở;
- Thanh tra sở;
- Trang thông tin điện tử Sở (công khai);
- Lưu: VT, HS TTrà.

CHÁNH THANH TRA



Huỳnh Đức Hiền

PHỤ LỤC**BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ**

“Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh với bò đực BBB, bò đực Senepol và khả năng sinh trưởng của con lai F1 tại Khánh Hòa”

(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTra của Chánh thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ ngày /9/2024)

STT	Các sản phẩm, nội dung công việc hoàn thành được thanh toán/hồ sơ chứng từ thanh toán	Chứng từ chi		Số tiền	Trong đó		
		Số	Ngày tháng		Khoán	Không khoán	Ghi chú
1	Kinh phí lao động (phổ thông, khoa học...)			106.892.600	106.892.600		
1.1	Công lao động kỹ thuật			106.892.600	106.892.600		
1.1.1	- Chủ nhiệm đề tài 1 (1 người)	UNC 09 ZEBU N2	11/30/2023	21.590.100	21.590.100		
1.1.2	- Chủ nhiệm đề tài 2 (1 người)	UNC 10 ZEBU N2	11/30/2023	1.877.400	1.877.400		
1.1.3	- Thư ký đề tài	UNC 09 ZEBU N2	11/30/2023	8.716.500	8.716.500		
1.1.4	- Thành viên chính đề tài 1 (1 người)	UNC 11 ZEBU N2	11/30/2023	13.946.400	13.946.400		
1.1.5	- Thành viên chính đề tài 2 (1 người)	UNC 09 ZEBU N2	11/30/2023	33.703.800	33.703.800		
1.1.7	- Thành viên chính đề tài 1 (1 người)	UNC 09 ZEBU N2	11/30/2023	4.470.000	4.470.000		
1.1.8	- Thành viên chính đề tài 2 (1 người)	UNC 13 ZEBU N2	11/30/2023	5.960.000	5.960.000		
1.1.9	- Thành viên chính đề tài 3 (1 người)	UNC 12 ZEBU N2	11/30/2023	6.556.000	6.556.000		

1.1.10	- Kỹ thuật viên đề tài (1 người)	UNC 14 ZEBU N2	11/30/2023	10.072.400	10.072.400		
2	Mua sắm tài sản, vật tư			159.120.000	159.120.000	159,120,000	
2.1	Gói thầu số 4: Mua cám hỗn hợp cho bò cái mang thai	UNC 15 ZEBU N2	12/5/2023	159.120.000	159.120.000	159,120,000	
3	Quản lý			21.500.000	21.500.000		
3.1	- Chi thuê công ty tư vấn lập E-HSMT, đánh giá HSDT gói 4	UNC 07 ZEBU N2	8/18/2023	6.500.000	6.500.000		
3.2	- Chi thuê công ty thẩm định E-HSMT, thẩm định KQLCNT gói 4	UNC 06 ZEBU N2	8/18/2023	3.000.000	3.000.000		
3.3	- Chi thuê công ty tư vấn lập E-HSMT, đánh giá HSDT gói 5	UNC 19 ZEBU N2	12/15/2023	7.500.000	7.500.000		
3.4	- Chi thuê công ty thẩm định E-HSMT, thẩm định KQLCNT gói 5	UNC 18 ZEBU N2	12/15/2023	4.500.000	4.500.000		
4.	Tập huấn			15.460.000	15.460.000		
4.1	- Chuẩn bị hội trường - Phục vụ - Tiễn ăn cho học viên	PC 08	5/22/2023	5.260.000	5.260.000		
4.2	- Thuê xe cho giảng viên B156	UNC 02 ZEBU N2	5/22/2023	6.000.000	6.000.000		
4.3	- Bồi dưỡng giảng viên	UNC 03 ZEBU N2	5/22/2023	1.800.000	1.800.000		
4.4	- Giải khát giữa giờ	UNC 04 ZEBU N2	5/22/2023	1.200.000	1.200.000		
4.5	- Photo tài liệu, vở, bút, bìa clear	UNC 05 ZEBU N2	5/22/2023	1.200.000	1.200.000		
5	Chi khác			23.393.000	23.393.000		
5.1	- VPP	UNC 08 ZEBU N2	9/26/2023	2.893.000	2.893.000		



5.2	- Thuê xe	UNC 01 ZEBU N2	3/22/2023	4.500.000	4.500.000		
5.3	- Thuê xe	UNC 16 ZEBU N2	12/15/2023	13.500.000	13.500.000		
5.4	- Thuê xe	UNC 17 ZEBU N2	12/19/2023	2.500.000	2.500.000		
	Tổng cộng (Đợt 2) :			326.365.600	326.365.600	159.120.000	
	Đợt 1:						
1	Kinh phí lao động (phổ thông, khoa học...)			15.198.000	15.198.000		
1.1	Xây dựng đề cương		12/12/2022	15.198.000	15.198.000		
1.1.1	- Chủ nhiệm đề tài 1 (1 người x 5 công)	UNC 01 ZEBU	07/12/2022	4.693.500	4.693.500		
1.1.2	- Chủ nhiệm đề tài 2 (1 người x 5 công)	UNC 02 ZEBU	07/12/2022	4.693.500	4.693.500		
1.1.2	- Thư ký đề tài (01 người)	UNC 03 ZEBU	07/12/2022	5.811.000			
2	Mua sắm tài sản, vật tư			327.220.000		327.220.000	
2.1	Gói thầu số 1: Mua vật tư xử lý sinh sản	UNC 06 ZEBU	12/12/2024	176.800.000		176.800.000	
2.2	Gói thầu số 2: Mua vật tư gieo tinh nhân tạo	UNC 07 ZEBU	12/12/2025	98.800.000		98.800.000	
2.3	Gói thầu số 3: Mua dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng	UNC 08 ZEBU	12/12/2026	51.620.000		51.620.000	
3	Các khoản chi khác			9.500.000	9.500.000		
3.1	- Chi thuê công ty tư vấn lập E-HSMT, đánh giá HSDT gói 1	UNC 04 ZEBU	07/12/2022	6.500.000	6.500.000		
3.2	- Chi thuê công ty thẩm định E-HSMT, thẩm định KQLCNT gói 1	UNC 05 ZEBU	07/12/2022	3.000.000	3.000.000		
	Tổng cộng (Đợt 1) :			351.918.000	24.698.000	327.220.000	
	Tổng cộng (Đợt 1 + Đợt 2):			678.283.600			